

Số: 12/GPMT-UBND

Văn Lâm, ngày 27 tháng 8 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 của UBND huyện Văn Lâm;

Xét văn bản số 606/CV-KTC ngày 15/8/2024 của Công ty TNHH KTC (Hà Nội) về việc đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án mở rộng Công ty TNHH KTC (Hà Nội);

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Báo số 15/BC-TNMT ngày 22 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 của UBND huyện Văn Lâm cấp cho Công ty TNHH KTC (Hà Nội), địa chỉ: CCN Tân Quang, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án mở rộng Công ty TNHH KTC (Hà Nội), chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 của UBND huyện Văn Lâm.

Điều 2. Công ty TNHH KTC (Hà Nội) tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 của UBND huyện Văn Lâm và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép này.

Điều 3. Giấy phép môi trường điều chỉnh có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 của UBND huyện Văn Lâm hết hiệu lực.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH KTC (Hà Nội);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Công Thông tin điện tử huyện Văn Lâm;
- Phòng TNMT;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Hoàng Tùng

Phụ lục

NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12/GPMT-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2024 của UBND huyện Văn Lâm).

1. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải tại Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 của UBND huyện Văn Lâm. Cụ thể như sau:

- Nội dung cấp phép xả thải tại Phần A Phụ lục 1:
 - + Mục 2.3: Toạ độ vị trí cửa xả nước thải theo hệ toạ độ VN2000 kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3° : X(m): 2 320 670 ; Y(m): 548 842.
 - + Mục 2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $40\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; Phương thức xả thải: cưỡng bức.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải tại phần B Phụ lục 1:

+ Mục 1.1. Nước thải sinh hoạt từ các nguồn phát sinh được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất $40\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

+ Mục 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải
 Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: nước thải sau hệ thống xử lý sơ bộ -> bể gom -> bể điều hoà -> bể vi sinh thiếu khí -> bể vi sinh hiếu khí -> bể MBR -> hộp khử trùng -> nước thải sau xử lý đạt QCVN 01:2019/HY (K=1,2; K_{hy}=0,85).

Công suất thiết kế: $40\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

+ Mục 2.2. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất $40\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

2. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải tại phần A, Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 của UBND huyện Văn Lâm. Cụ thể như sau:

- Mục 1. Nguồn phát sinh khí thải: Từ công đoạn mài cao su và khí thải hơi còn công đoạn lồng trục.

- Mục 2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:

+ Khí thải phát sinh từ công đoạn mài cao su và khí thải hơi còn công đoạn lồng trục.

+ Số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép: 03 dòng

+ Vị trí xả thải: Theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°):

X(m): 2 320 781 ; Y(m): 548 822

X(m): 2 320 780 ; Y(m): 548 828

X(m): 2 320 773 ; Y(m): 548 845

+ Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $43.000\text{ m}^3/\text{h}$.

3. Điều chỉnh nội dung yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải tại phần B, Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 của UBND huyện Văn Lâm. Cụ thể như sau:

- Mục 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Hệ thống xử lý bụi, khí thải công đoạn mài cao su và khí thải hơi cùn công đoạn lồng trục có tổng công suất 43.000 m³/h.

+ Quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi, khí thải công suất 14.000 m³/h: Bụi, khí thải -> ống hút -> đường ống thu gom -> tháp xử lý -> quạt hút -> khí thải sau xử lý đạt QCVN19:2009/BTNMT (Cột B, Kv=1; Kp=0,9) thải vào môi trường qua ống phóng không.

+ Quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi, khí thải công suất 21.000 m³/h: Bụi, khí thải -> ống hút -> đường ống thu gom -> Cyclone -> tháp xử lý -> quạt hút -> khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, Kv=1; Kp=0,9) thải vào môi trường qua ống phóng không.

+ Quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải (hơi cùn) công đoạn lồng trục công suất 8.000m³/h: khí thải -> ống hút -> đường ống thu gom -> tháp xử lý -> quạt hút -> khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, Kv=1; Kp=0,9) thải vào môi trường qua ống phóng không.

- Mục 2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

+ Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ công đoạn mài cao su và khí thải hơi cùn công đoạn lồng trục.

+ Vị trí lấy mẫu: Tại ống phóng không của hệ thống xử lý bụi, khí thải công đoạn mài cao su và khí thải hơi cùn công đoạn lồng trục.

4. Điều chỉnh nội dung yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại phần A Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 của UBND huyện Văn Lâm. Cụ thể như sau:

- Mục 1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Vỏ bao bì cứng bằng kim loại dính thành phần nguy hại	18 01 02	40
2	Bao bì cứng bằng nhựa dính thành phần nguy hại	18 01 03	250
3	Bao bì mềm thải dính thành phần nguy hại	18 01 01	900
4	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ, hóa chất	18 02 01	500

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
5	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	840
6	Cồn thải	17 08 03	10.000
7	Pin, ắc quy chì thải bỏ	16 01 12	60
8	Hộp mực in thải	08 02 04	50
9	Nước rửa khuôn thải	19 10 02	80
Tổng			12.720

- Mục 1.2. Khối lượng, chủng loại CTR công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Nguồn phát sinh	Khối lượng (Kg/năm)
1	Bavia thừa	Cắt bỏ bavie xung quanh ống cao su	36.000
2	Bìa carton, nilon, giấy vụn	Đóng gói nguyên liệu; đóng gói sản phẩm	8000
3	Bụi thải từ công đoạn mài cao su và cao su thải.	Nguyên liệu đầu vào và mài cao su	3000
4	Đá mài thải	Mài cao su	216
Tổng khối lượng			47.216

5. Các yêu cầu và điều kiện kèm theo

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin cung cấp và nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023.

- Thực hiện đúng các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này và tiếp tục thực hiện các nội dung khác của Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.